

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **131/2019/HSST**

Ngày: 25/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thanh Nhân và ông Huỳnh Quang Vũ.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Cẩm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2019/HSST ngày 25 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2019/QĐXXST-HS ngày 06/6/2019 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 128/2019/HSST-QĐ ngày 18/6/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc T, tên gọi khác: T; sinh ngày 10/01/1997 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L và bà Đoàn Thị Kim L; vợ con: Chưa có;

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ tại thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, học hết lớp 12/12 thì nghỉ học; năm 2015 tham gia nghĩa vụ công an nhân dân tại Trại giam Công an tỉnh Gia Lai, đến tháng 9/2018, được xuất ngũ trở về địa phương, lao động tự do.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/3/2019 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị H. Địa chỉ: 247A đường T, phường P, thành phố Huế, vắng mặt.

- Anh Phạm Văn Đ. Địa chỉ: 317 đường N, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

-Anh Hoàng Vĩnh H. Địa chỉ: 13 đường T, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

- Anh Trần Hữu T1. Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- Bà Đoàn Thị Kim L. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Người làm chứng: Ông Phan Đình T. Địa chỉ: 97/2 đường T, phường P, thành phố Huế, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 9/2018, Nguyễn Quốc T thuê phòng trọ tại 317 đường N, phường T, thành phố Huế để ở. Do không có phương tiện để đi lại nên T đã mượn chiếc xe mô tô hiệu Damsan, màu đen, biển số 75H9-7509 của chị Nguyễn Thị H. Ngày 23/10/2018, do xe mô tô của chị H bị hư hỏng nên T đã mượn của anh Phạm Văn Đ, là bạn cùng dãy trọ với T, chiếc xe mô tô Honda hiệu Ware RSX, màu đỏ-đen, biển số 74F1-229.71 để đi làm, anh Đ đồng ý, giao xe cho T mượn. Đến chiều cùng ngày, T bị chủ nợ điện thoại yêu cầu phải trả nợ ngay trong ngày. Do không có tiền nên Nguyễn Quốc T đã nảy sinh ý định đưa các xe mô tô đã mượn của Đ và H đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định đó, T đi về phòng trọ dắt chiếc xe mô tô biển số 75H9-7509 mà T mượn của chị H, đưa đến tiệm cầm đồ ở tại địa chỉ 13 đường T, phường T, thành phố Huế gặp anh Hoàng Vĩnh H, nói với anh H bản thân mình đang cần tiền gấp, cần cầm xe. Do trước đây T đã từng cầm chiếc xe mô tô 75H9-7509 cho anh H, nên anh H tin tưởng chiếc xe này là của T, đồng ý cầm xe cho T với số tiền 1.000.000 đồng và lập hợp đồng cầm cố tài sản.

Sau khi có tiền, T đi về phòng trọ đưa chiếc xe mô tô biển số 74F1-229.71 mượn của anh Đ đi đến gặp anh H để cầm tiếp nhưng do nghi ngờ xe không phải của T nên anh H không cầm. Khi vừa ra khỏi tiệm của anh H, T gặp anh Trần Hữu T là người quen của T. T nói với anh T1 rằng bản thân mình đang cần tiền gấp nhưng không cầm được xe và nhờ anh T1 giúp. Sau khi xem xe, thấy xe còn mới nên anh T1 đồng ý cầm xe cho T với số tiền 8.000.000 đồng, lấy lãi trước 800.000 đồng. Hai bên lập giấy mượn tiền, giao nhận tiền và xe cho nhau. Sau đó, T đến gặp anh H để mượn thêm số tiền 600.000 đồng rồi đón xe về Gia Lai. Do không gặp T, liên lạc với T không được nên chị H và anh Đ đi tìm. Ngày 25/10/2018, khi đi ngang tiệm cầm đồ của anh H, chị H thấy xe mô tô của mình ở trong tiệm, nên đã đến Công an phường T để trình báo vụ việc.

Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Damsan, màu đen, biển số 75H9-7509, số máy: 150FMG-00125914, số khung: 5M5H-125914, xe đã qua sử dụng;

- 01 chiếc xe mô tô Honda nhãn hiệu Ware RSX, màu đỏ-đen, biển số 74F1-229.71, số máy: JA38E0134340, số khung: 3815GY057340, xe đã qua sử dụng;
- 01 giấy mượn tiền do Nguyễn Quốc T ký bên mượn, ngày 20/10/2018;
- 01 giấy mượn tiền do Nguyễn Quốc T ký bên mượn, ngày 23/10/2018;
- 01 giấy mượn tiền do Nguyễn Quốc T ký mượn của anh T1 số tiền 8.000.000 đồng, ngày 23/10/2018;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL- HĐĐG ngày 04/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô biển số 75H9-7509 có trị giá 4.500.000 đồng; chiếc xe mô tô biển số 74F1-229.71, có trị giá 15.000.000 đồng. Tổng cộng 19.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra công an thành phố Huế đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 75H9-7509 cho chị Nguyễn Thị H; trả lại chiếc xe mô tô biển số 74F1-229.71 cho anh Phạm Văn Đ. Sau khi nhận lại tài sản, chị H và anh Đ không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nguyễn Quốc T đã bồi thường cho anh Hoàng Vĩnh H số tiền 1.600.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Hữu T1 số tiền 7.200.000 đồng. Sau khi nhận lại tài sản, anh H và anh T1 không có yêu cầu gì thêm.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Quốc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 121/CT-VKS-HS ngày 17/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục lưu giữ tài liệu đã thu giữ theo hồ sơ vụ án để bảo đảm việc xét xử.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và được bồi thường đầy đủ, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Quốc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 23/10/2018, tại phường T, thành phố Huế, sau khi mượn chiếc xe mô tô biển số 75H9-7509 của chị Nguyễn Thị H trị giá 4.500.000 đồng và chiếc xe mô tô biển số 74F1-229.71 của anh Phạm Văn Đ trị giá 15.000.000 đồng để sử dụng. Bị cáo Nguyễn Quốc T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã đem xe của chị H đi cầm cho anh Hoàng Vĩnh H và đem xe của anh Đ đi cầm cho anh Trần Hữu T1 lấy số tiền 8.800.000 đồng sử dụng, tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc T bằng thủ đoạn gian dối, lợi dụng sự tín nhiệm của người có quan hệ quen biết để họ tin tưởng giao tài sản và chiếm đoạt đem đi cầm cố. Tài sản bị cáo chiếm đoạt trong vụ án này có giá trị 19.500.000 đồng, nên đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Quốc T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần chiếm đoạt 2 chiếc xe mô tô đều có giá trị trên 4 triệu đồng, do đó đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” nên không có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã đề xuất.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt: Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, xâm phạm trực tiếp đến

quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có sức khỏe nhưng lười lao động, không lo làm ăn mà chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích tiêu xài cá nhân thể hiện sự xem thường pháp luật, nên cần có một mức án nghiêm khắc, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục. Tuy nhiên, do bị cáo có nhân thân tốt, đã từng tham gia nghĩa vụ công an nhân dân 3 năm, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thuộc diện gia đình có công với cách mạng (ông ngoại của bị cáo là liệt sĩ), nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Damsan, biển số 75H9-7509 và xe Honda nhãn hiệu Ware RSX, biển số 74F1-229.71, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại là đúng pháp luật, tại phiên tòa không có ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với tài liệu, chứng cứ thu được là 01 giấy mượn tiền đề ngày 20/10/2018; 01 giấy mượn tiền đề ngày 23/10/2018; 01 giấy mượn tiền đề ngày 23/10/2018, là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[7] Đối với các anh Hoàng Vĩnh H và Trần Hữu T1 có hành vi nhận cầm cố xe của bị cáo nhưng không biết xe này do bị cáo chiếm đoạt nên không có cơ sở xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; việc anh H và anh T nhận cầm cố xe nhưng không giấy tờ sở hữu nên đã bị Công an thành phố Huế xử phạt hành chính là đúng pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và được bồi thường đầy đủ, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Quốc T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu giữ các giấy mượn tiền đề ngày 20/10/2018, ngày 23/10/2018 và ngày 23/10/2018 trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Quốc Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV06 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

